

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 03 năm 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận

2. Ông Đỗ Xuân Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 400/2020/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 400/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 400/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ Ng, sinh năm 1969; Địa chỉ: đường Điện Biên Phủ, tổ 06 phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1965; Địa chỉ: đường Điện Biên Phủ, tổ 06 phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 12/10/2020, nội dung tại các phiên họp hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Ng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Ngọc H kết hôn vào năm 1993 đăng ký kết hôn tại UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường Điện Biên Phủ, tổ 06 phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với gia đình và thường đánh đập tôi. Hơn nữa ông H còn có quan hệ

bất chính với người phụ nữ khác. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với **ông Lê Ngọc H.**

- Về quan hệ con chung: Bà và ông H có 02 (hai) người con chung tên Lê Nhật Ph, sinh ngày 22/10/1994 và Lê Yến Nh, sinh ngày 03/12/2001. Các con chung đã trưởng thành nên bà không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ Ng không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân quận Thanh Khê đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Lê Ngọc H, để biết việc bà Trần Thị Mỹ Ng gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án. Đồng thời, Toà án đã thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định về việc đưa vụ án ra xét xử **và quyết định hoãn phiên tòa** đối với ông Lê Ngọc H, nhưng ông H không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại các phiên hoà giải **cũng như hai lần mở phiên tòa.**

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều: 171, 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà Trần Thị Mỹ Ng được ly hôn với ông Lê Ngọc H.

+ Về con chung: 02 (hai) người con chung tên Lê Nhật Pi, sinh ngày 22/10/1994 và Lê Yến Nh, sinh ngày 03/12/2001, đều đã trên 18 tuổi nên không đề cập đến.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trần Thị Mỹ Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Ngọc H có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại K760/24 đường Điện Biên Phủ, tổ 06 phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Đối với bị đơn Lê Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn không có văn bản phản hồi, không tham gia trong quá trình tố tụng. Cả 02 lần Tòa án mở phiên tòa đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Ngọc H.

Về nội dung vụ án

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ Ng và ông Lê Ngọc H xây dựng gia đình với nhau vào năm 1993 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Mỹ Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Lê Ngọc H, lý do là tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ Ng thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm nhau. Tuy nhiên theo bà Trần Thị Mỹ Ng thì trong thời gian chung sống với nhau giữa bà và ông Lê Ngọc H không có được những điều đó thể hiện ở việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bản thân ông H không có trách nhiệm với gia đình và thường đánh đập bà. Hơn nữa ông H còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự để tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện được do ông Lê Ngọc H không hợp tác, điều này thể hiện ông Lê Ngọc H không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà Trần Thị Mỹ Ng và ông Lê Ngọc H là có thật, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Mỹ Ng đối với ông Lê Ngọc H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Mỹ Ng xác định bà và ông Lê Ngọc H xác định có 02 (hai) người con chung tên Lê Nhật Ph, sinh ngày 22/10/1994 và Lê Yến Nh, sinh ngày 03/12/2001.

Xét thấy, các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ Ng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ Ng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Mỹ Ng phải chịu;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp “Ly hôn” của bà Trần Thị Mỹ Ng đối với ông Lê Ngọc H

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Mỹ Ng được ly hôn với ông Lê Ngọc H.

2. Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Mỹ Ng xác định bà và ông Lê Ngọc H xác định có 02 (hai) người con chung tên Lê Nhật Ph, sinh ngày 22/10/1994 và Lê Yến Nh, sinh ngày 03/12/2001.

Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ Ng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ Ng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

5. Về án phí :

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần Thị Mỹ Ng phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Ng đã nộp tại biên lai thu số 0002261 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Như vậy bà Ng đã nộp đủ án phí;

6.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- UBND phường Tam Thuận;
- (Giấy CNKH số 217 ngày 05/10/1993)
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Khánh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

